TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 233/2022/DS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Á
2. Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BĐ: *Bà Nguyễn Trường Minh Lý,* Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1987(CM)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BĐ.

Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Công T, sinh năm 1972 (VM)

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973 (VM)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày:

Bà có cho vợ chồng ông T, bà H vay 06 lần tiền, cụ thể ngày 26/11/2019 vợ chồng ông T bà H mượn 400.000.000 đồng; ngày 06/3/2020 mượn 300.000.000 đồng; ngày 02/4/2020 mượn 112.000.000 đồng; ngày 03/7/2020 mượn 60.000.000 đồng; ngày 12/8/2020 mượn 200.000.000 đồng; ngày 03/5/2021 mượn 106.000.000 đồng. Tổng cộng 1.178.000.000 đồng(một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng). Tất cả điều có viết giấy mượn tiền làm bằng chứng. Nhiều lần bà yêu cầu vợ chồng bà H trả lại số tiền còn nợ nhưng vợ chồng bà H không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà số tiền nợ trên. Bà L không yêu cầu lãi suất.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có nhiều lần mượn tiền của chị Đinh Thị L như chị L trình bày là đúng. Tổng số tiền hiện nay vợ chồng bà H, ông T còn nợ chị L là 1.178.000.000 đồng(một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng). Nay chị L yêu cầu trả nợ vợ chồng ông T bà H đồng ý sẽ hoàn trả số tiền trên.

* Bị đơn: Ông Trần Công T trình bày:

Ông T thừa nhận vào ngày 26/11/2019 có mượn của bà Đinh Thị L số tiền 400.000.000 đồng(bốn trăm triệu đồng), giấy nợ do ông viết và vợ chồng ông ký. Giấy mượn nợ ngày 06/3/2020 với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và Giấy mượn nợ ngày 12/8/2020 với số tiền 200.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng) chữ ký Trần Công T là đúng do ông Thế ký nhưng ông T cho rằng không mượn số tiền này. Các giấy mượn nợ ngày 02/4/2020 với số tiền 112.000.000 đồng, Giấy mượn tiền viết ngày 03/5/2021 với số tiền 106.000.000 đồng, Giấy mượn tiền viết ngày 03/7/2020 với số tiền 60.000.000 đồng thì vợ ông là bà H tự mượn, tự ký giấy tờ ông không biết. Nay chị Đinh Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 1.178.000.000 đồng, ông T không đồng ý. Ông T chỉ đồng ý trả 400.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 26/11/2019.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BĐ: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Trần Công T, bà Hoàng Thị H liên đới trả cho bà L số tiền 1.178.000.000 đồng. Về án phí, vợ chồng ông T bà H phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại: phường HH, thị xã HN, tỉnh BĐ nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BĐ có thẩm quyền giải quyết vụ án. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vợ chồng ông T, bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về hợp đồng vay tài sản: Nguyên đơn và bị đơn là bà H đều thừa nhận việc vay mượn tiền theo nội dung các giấy mượn tiền là đúng sự thật. Đây đều là các khoản vay mà vợ chồng bà H đã vay của bà L để làm ăn, đánh bắt thủy sản. Ông T cho rằng mình chỉ mượn số tiền 400.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 26/11/2019, còn các khoản nợ khác ông không mượn nên không có trách nhiệm trả. Qua xem xét các giấy mượn tiền thấy rằng ông T có ký nhận tại các giấy nợ ngày 26/11/2019 có mượn của bà Đinh Thị L số tiền 400.000.000 đồng(bốn trăm triệu đồng), Giấy mượn nợ ngày 06/3/2020 với số tiền 300.000.000 đồng(ba trăm triệu đồng) và Giấy mượn nợ ngày 12/8/2020 với số

tiền 200.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng). Còn giấy mượn nợ ngày 02/4/2020 với số tiền 112.000.000 đồng, Giấy mượn tiền viết ngày 03/5/2021 với số tiền 106.000.000 đồng, Giấy mượn tiền viết ngày 03/7/2020 với số tiền 60.000.000 đồng thì không có chữ ký ông T. Tuy nhiên, trên thực tế bà Hoàng Thị H đã thừa nhận đây là số nợ chung của hai vợ chồng, có những thời điểm ông T đi biển, bà H đã một mình mượn tiền để chi tiêu trong gia đình và góp tiền cho ông T hành nghề đánh bắt thủy sản, việc này sự thật không thể chối cãi. Do vậy, ông T cho rằng không biết và không mượn số tiền 778.000.000 trong tổng số tiền 1.178.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng sự thật. Đồng thời, ông T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà H vay tiền không đưa vào sử dụng chung, nên ông T cũng có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả các khoản tiền mượn trên cho bà L là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những lập luận như trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định hiện nay vợ chồng ông Trần Công T, bà Hoàng Thị H còn nợ bà Đinh Thị L số tiền 1.178.000.000 đồng là có thật. Do vậy, cần buộc vợ chồng ông T bà H trả cho bà L số tiền 1.178.000.000 đồng(một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng). Ghi nhân sự tự nguyện của bà L không yêu cầu trả lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì vợ chồng ông T, bà H phải chịu số tiền án phí là 47.340.000 đồng.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 463,466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L. Buộc vợ chồng ông Trần Công T, bà Hoàng Thị H liên đới trả cho bà Đinh Thị L số tiền 1.178.000.000 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu trả lãi..

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Vợ chồng ông T, bà H phải chịu số tiền án phí là 47.340.000 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về tiền tạm ứng án phí: Hoàn trả cho bà Đinh Thị L 23.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0001874 ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Vương